

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HSST
Ngày : 08/02/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN HÒA, PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Gia.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Văn Hùng; Chức vụ: Cán bộ hưu trí.

2. Ông Nguyễn Ký; Chức vụ: Hiệu trưởng trường tiểu học số 2, thị trấn Củng Sơn, huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bạch Văn Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện VKSND huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên tham gia phiên Tòa: Ông Hoàng Văn Đại, Kiểm sát viên.

Lúc 08 giờ 00 phút, ngày 08 tháng 02 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 01/2018/TLST-ST ngày 17/01/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HS ngày 24/01/2018, đối với:

- Bị cáo: Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Tài), sinh ngày: 26/9/2000 tại Quảng Nam; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn LC, xã HMĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên; dân tộc: kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 01/12; con ông Nguyễn Văn D, sinh năm: 1970 và bà Võ Thị H, sinh năm: 1975; Có 02 anh và 01 chị; tiền án, tiền sự: không; Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Ngô Tấn H – Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý, thuộc Sở tư pháp tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- Người giám hộ cho bị cáo và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Võ Thị H, sinh năm: 1975 (mẹ ruột của bị cáo); Trú tại: thôn LC, xã HMĐ, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị hại:* Vợ chồng ông Nguyễn Văn M, sinh năm: 1989 (vắng mặt) bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm: 1991 (có mặt); Trú tại: khu phố ĐH, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Võ H, sinh năm: 1993; Trú tại: thôn LC, xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Phạm Thị H, sinh năm: 1987; Trú tại: khu phố ĐH, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

2. Võ Thị D, sinh năm: 1967. Vắng mặt.

3. Nguyễn Thị Kim Y, sinh năm: 1998. Vắng mặt.

Đồng trú tại: khu phố TH, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/10/2017, Nguyễn Văn L sinh ngày 26/9/2000 điều khiển xe mô tô biển số 78F1-030.02 của gia đình đến nhà Nguyễn Thị Mỹ L tại khu phố ĐH, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên chơi. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày lợi dụng sơ hở của L, L đã lén lút vào phòng ngủ của L lấy trộm 01 ví da màu đỏ bên trong có 10.600.000 đồng, 01 nhẫn vàng 09K và 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ ATM. L đã dùng tiền trộm cắp được mua điện thoại, sạc dự phòng, áo sơ mi và tiêu sài cá nhân, còn lại 2.314.000 đồng. Ngày 03/10/2017, Nguyễn Văn L ra đầu thú và giao nộp các tài sản trộm cắp cho cơ quan chức năng.

Kết luận định giá tài sản số 32/KL-ĐGTS ngày 18/10/2017 của Hội đồng định giá huyện SH kết luận: Chiếc nhẫn vàng 02 phân, 03 ly, 09 zem loại 09K và 01 ví da màu đỏ trị giá 478.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Tạm giữ và đã trả lại cho bà Võ Thị H xe mô tô biển kiểm soát 78F1-030.02; Tạm giữ: Tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam 2.314.000 đồng; 01 nhẫn vàng 09K, trọng lượng 02 phân, 03 ly, 09 zem; 01 ví da màu đỏ; 01 áo sơ mi; 01 điện thoại đi động hiệu OPPO F3; 01 cục sạc pin dự phòng; 01 dây sạc pin; 01 tai phone; 01 thẻ ATM và 01 CMND mang tên Nguyễn Thị Mỹ L.

Về dân sự: Bị hại đã nhận tiền khắc phục của bị cáo 8.286.000 đồng. Bị hại yêu cầu được nhận lại số tiền 2.314.000 đồng, 01 ví da, 01 thẻ ATM, 01 CMND và 01 nhẫn vàng 09K.

Cáo trạng số 01/CT-VKS ngày 12/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên đã truy tố Nguyễn Văn L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự;

Tại phiên toà:

Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của VKSND huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên đã truy tố, bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại L đề nghị HĐXX xử bị cáo mức án nhẹ nhất; Về trách nhiệm dân sự: Giữ nguyên ý kiến ban đầu và yêu cầu bị cáo bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng về khoản chi phí tìm kiếm bị cáo L (sau khi bị chiếm đoạt tài sản).

Bị cáo L và người giám hộ cho bị cáo thống nhất các yêu cầu ban đầu của bị hại L và chấp nhận bồi thường tiếp 2.000.000 đồng; đã bồi thường xong.

Kiểm sát viên tiến hành tố tụng tại phiên toà sau khi phân tích tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị HĐXX: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 50, 51, Điều 91 và Điều 100 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L mức án từ 09 đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án về tội “Trộm cắp tài sản”. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Về dân sự: Đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về việc: Bị cáo tự nguyện bồi thường đủ số tiền theo yêu cầu ban đầu và chấp nhận bồi thường thêm số tiền 2.000.000 đồng chi phí phát sinh do bị hại đi tìm bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47, 48 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tuyên trả lại cho bị hại vợ chồng ông Nguyễn Văn M bà Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 2.314.000 đồng, 01 ví da, 01 nhẫn vàng 09K có trọng lượng 02 phân 03 ly 09 zem, 01 thẻ ATM và 01 CMND; Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 áo sơ mi; 01 điện thoại đi động hiệu OPPO F3; 01 cục sạc pin dự phòng; 01 dây sạc pin; 01 tai phone.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo: Thống nhất về tội danh, bồi thường dân sự, xử lý vật chứng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tính tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo mức án thấp nhất so với đề nghị của Kiểm sát viên.

Bị cáo, người giám hộ cho bị cáo và là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, bị hại không tranh luận gì với Kiểm sát viên.

Kiểm sát viên tranh luận: Bị cáo L đến Cơ quan Công an trình diện về hành vi phạm tội của mình sau khi đã bị gia đình bị hại phát hiện hành vi tội phạm. Gia đình bị hại đã điện thoại cho bị cáo yêu cầu mang tài sản chiếm đoạt được đến Cơ quan chức năng để trình báo sự việc, nên trường hợp này là “đầu thú” chứ không phải là “tự thú”, đề nghị HĐXX xem xét.

Bị cáo nói lời sau cùng: Thừa nhận hành vi phạm tội và xin Hội đồng xét xử nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Bị cáo Nguyễn Văn L khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị hại, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, vật chứng vụ án thu giữ được cùng các chứng cứ khác có tại hồ sơ nên đủ cơ sở kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/10/2017, tại nhà bị hại Nguyễn Thị Mỹ L thuộc khu phố ĐH, thị trấn CS, huyện SH, tỉnh Phú Yên, bị cáo Nguyễn Văn L lợi dụng sơ hở của bị hại, đã lén lút vào phòng ngủ bị hại trộm cắp 01 ví da bên trong có tiền, vàng với tổng trị giá 11.078.000 đồng và 01 số giấy tờ của bị hại L. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

Bị cáo L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo không những đã xâm hại đến tài sản riêng của người khác trái pháp luật mà còn gây mất an ninh, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, nên cần phải xử bị cáo mức án nghiêm để răn đe, trừng trị riêng đối với bị cáo và ngăn ngừa chung đối với xã hội.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tính tiết giảm nhẹ “*người phạm tội tự thú*” quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự là không có căn cứ. Vì sau khi trộm cắp tài sản bị cáo đã dùng tài sản trộm cắp được để mua sắm, tiêu sài cá nhân đến khi bị hại phát hiện tài sản bị mất thì gia đình bị hại có điện thoại cho bị cáo và báo cơ quan chức năng thì bị cáo mới ra trình diện và tự nguyện giao nộp lại vật chứng vụ án là thuộc trường hợp “*người phạm tội đầu thú*” như ý kiến tranh luận của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Xét sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 8.286.000 đồng cho bị hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã thành khẩn khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tự nguyện giao nộp lại vật chứng vụ án và được bị hại thiết tha xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo là những tình

tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình phạt quy định tại điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm cho bị cáo mức hình phạt tương xứng. Bị cáo phạm tội trong độ tuổi vị thành niên nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, nên xử bị cáo mức án nhẹ hơn người đã thành niên phạm tội theo quy định của pháp luật. Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; ngoài lần phạm tội này bị cáo không có vi phạm nào khác, nên không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà phạt cải tạo không giam giữ cũng đủ răn đe, giáo dục bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, giữa bị cáo, người giám hộ cho bị cáo và bị hại Nguyễn Thị Mỹ L tự nguyện thỏa thuận: Bị cáo tự nguyện bồi thường 8.286.000 đồng về khoản: Bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm và 2.000.000 đồng về khoản chi phí bị hại đi tìm kiếm bị cáo (sau khi tài sản bị chiếm đoạt); đã bồi thường xong. Hội đồng xét xử xét thỏa thuận nêu trên là hợp pháp, nên ghi nhận.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT công an huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên đã trả lại cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Võ Thị H xe mô tô biển kiểm soát 78F1-030.02 là đúng quy định. Tại phiên tòa, không ai ý kiến gì nên HĐXX không xét.

Đối với số tiền 2.314.000 đồng, 01 ví da màu đỏ, 01 nhẫn vàng 09K có trọng lượng 02 phân 03 ly 09 zem, 01 thẻ ATM và 01 CMND là tài sản hợp pháp của bị hại vợ chồng ông Muôn, bà Linh, nên cần trả lại cho chủ sở hữu theo quy định.

Đối với 01 áo sơ mi; 01 điện thoại di động hiệu OPPO F3; 01 cục sạc pin dự phòng; 01 dây sạc pin và 01 tai phone. Đây là vật do phạm tội hoặc do mua bán, đổi chác những thứ ấy mà có nên tịch thu sung quỹ Nhà nước theo quy định.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lộc phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn L (tên gọi khác: Tài) phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 50, 51, Điều 90, 91 và Điều 36, 100 của Bộ luật hình sự;

Tuyên xử: Phạt bị cáo **Nguyễn Văn L 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ**. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn L cho UBND xã HMD, huyện TH, tỉnh Phú Yên để giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo L có

trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo Nguyễn Văn L thay đổi nơi cư trú thì việc giám sát, giáo dục bị cáo được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 72 Luật thi hành án hình sự.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47, 48 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

Tuyên trả lại cho bị hại vợ chồng bị hại Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 2.314.000 đồng, 01 ví da màu đỏ, 01 nhẫn vàng 09K có trọng lượng 02 phân 03 ly 09 zem, 01 thẻ ATM và 01 CMND.

Tuyên tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 áo sơ mi, 01 điện thoại đi động hiệu OPPO F3, 01 cục sạc pin dự phòng, 01 dây sạc pin và 01 tai phone.

(Vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng vụ án ngày 16/01/2018 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Hòa với Chi cục thi hành án huyện Sơn Hòa, tỉnh Phú Yên).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí và lệ phí Tòa án; buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải nộp 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho bị cáo, người bào chữa, bị hại, người giám hộ cho bị cáo và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Phú Yên (01);
- VKSND huyện Sơn Hòa (02);
- CA huyện Sơn Hòa (03);
- Bị cáo (02);
- NBH (01)
- THADS huyện Sơn Hòa (01);
- Lưu HS.

Phạm Cao Gia